

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỚI LAI  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Khiêm**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tăng Hoàng Đa

2. Ông Lê Hoàng L

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phục Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 420/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Có mặt

**- Bị đơn:** Bà **Phan Ngọc B**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:* ông và bà Phan Ngọc B tự nguyện tiến tới quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Lai vào ngày 31 tháng 7 năm 2013 theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cùng nhiều nguyên nhân khác ông Đ không tiện nói ra. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả nên vợ chồng ly thân từ lâu. Nhận thấy, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà B.

Về con chung: ông và bà Phan Ngọc B có 02 con chung tên Nguyễn Hữu L (nam), sinh ngày 26/4/2008; cháu Nguyễn Quốc L (nam), sinh ngày 23/11/2012 hiện đang sống với ông nên khi ly hôn, ông Đ yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Đối với bị đơn là bà Phan Ngọc B*, tuy có đến tòa án hòa giải, viết bản tự khai nhưng sau đó tự ý bỏ về khi tham gia hòa giải, đồng thời Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà đều vắng mặt nên vụ kiện không thể hòa giải được, do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Phan Ngọc B theo quy định về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trong đơn ly hôn.

Bị đơn bà Phan Ngọc B vẫn vắng mặt không rõ lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng*: vụ kiện đã được thụ lý theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] *Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu được ly hôn với bà Phan Ngọc B. Hội đồng xét xử thấy rằng tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn giữa công dân với công dân thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Ngọc B tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn nên xem đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp nhau, vợ chồng có sự bất đồng quan điểm sống, mặc dù hai bên cũng có tạo điều kiện hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và hiện tại bà B và ông Đ đã sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa bà B và ông Đ đã thực sự rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó có đủ căn cứ để xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn Đ là có cơ sở chấp nhận.

[4] *Đối với bị đơn*: bà Phan Ngọc B đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà B vẫn vắng mặt chứng tỏ bà không thiết tha việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết xét xử vắng mặt đối với bà B theo đúng quy định pháp luật khi xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] *Về con chung*: Ông và bà Phan Ngọc B có 02 con tên Nguyễn Hữu L (nam), sinh ngày 26/4/2008; cháu Nguyễn Quốc L (nam), sinh ngày 23/11/2012 hiện đang sống cùng với ông Đ nên ông có nguyên vọng nuôi hai con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại các cháu đang sống cùng ông Đ. Do đó việc giao cháu L, cháu L cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

*[6] Về tài sản chung và nợ chung:* ông Nguyễn Văn Đ trình bày là không có nhưng do xét xử vắng mặt bà B nên sẽ được tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

*[7] Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ đối với bị đơn bà Phan Ngọc B.

*Về quan hệ hôn nhân:* ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với Phan Ngọc B.

*Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Hữu L (nam), sinh ngày 26/4/2008; cháu Nguyễn Quốc L (nam), sinh ngày 23/11/2012 cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, bà B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà B không ai được quyền ngăn cản.

*Về tài sản chung và nợ chung:* ông Nguyễn Văn Đ trình bày là không có nên không xem xét, nhưng do xét xử vắng mặt bà Phan Ngọc B nên sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

*Về án phí:* ông Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005506 ngày 06/6/2022 thành án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi bị đơn cư trú.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án*

*hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

**\* Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thới Lai;
- Thi hành án huyện Thới Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

***Lê Thanh Khiêm***